TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/KDTM-PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2022
V/v: "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm;

Bà Vũ Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/12/2021, 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 80/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3888/2021/QĐXX-PT ngày 26/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 8983/2021/QĐ-PT ngày 23/11/2021 Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11965/2021/QĐPT –KDTM ngày 22/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở : 170 Đường H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hồ Trung T là đại diện theo giấy ủy quyền số 02/UQ-TGĐ.22 ngày 04/01/2022. (Có mặt).

Địa chỉ: 2-2A Đường P , Phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH C.

Trụ sở: Tòa nhà C, số 72 - 74 Đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Lê Hồng N là đại diện theo pháp luật; Địa chỉ: chung cư 1A - 1B N, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hồng N, sinh năm 1978

Địa chỉ: chung cư 1A - 1B N, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức N, sinh năm 1991 (Có mặt ngày 22/12/2021, vắng mặt ngày 21/01/2022)

Địa chỉ: 37/2B tổ 5, Khu phố H, Lái T, Thuận A, Bình Dương.

Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2017 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1978 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ C, chung cư B, 683A Đường A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 136A Đường C, Phường M, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Hồ Nguyên L - Công ty Luật TNHH MTV Tín N. (Vắng mặt ngày 22/12/2021, có mặt ngày 21/01/2022).

Địa chỉ: 384/8B Đường N, Phường N, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Hồng L, sinh năm 1982

Địa chỉ: 01 Nguyễn Trung T, Khu phố 2, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Quân T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: 319 Đường L, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: 59B Đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 021903 ngày 10/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Số 4

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Tất T, VPLS Phạm Tất T; Địa chỉ: 59B Nguyễn Hữu D, phường T, quận T Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt);

- Ông Trần Thanh H (Vắng mặt)

Địa chỉ: 162C Tôn Đức T, phường H, quận Đ, TP. Hà Nội.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

- Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 136A Đường C, phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Minh T (Vắng mặt)

- Ông Trần Duy N (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Minh H (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Căn hộ cao cấp T, Đường X, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người kháng cáo:

- Ông Nguyễn Hữu N - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà Trương Hồng L- là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2017, quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Viết tắt Ngân hàng A) và Công ty TNHH C (Viết tắt Công ty C) có ký hợp đồng cấp hạn mức số 0667/16/TD/I.28 ngày 11/03/2016; Phụ lục số PL.01-0667/16/TD/I.28 ngày 11/03/2016; Phụ lục số L.02-0667/16/TD/I.28 ngày 11/03/2016. Theo đó, Ngân hàng A cấp hạn mức tín dụng với các nội dung cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

- Thời hạn hiệu lực rút vốn của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 11/3/2016 đến ngày 11/3/2017.

- Thời han vay: Được ghi trong từng giấy nhận nợ

- Lãi suất vay: được quy định trong từng phụ lục hợp đồng

- Lãi suất quá hạn: Tiền lãi quá hạn = số nợ gốc không trả đúng hạn x 50% lãi suất trong hạn x số ngày quá hạn. Tổng tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = Tiền lãi trong hạn + tiền lãi quá hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng trên, ông Lê Hồng N, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Mỹ L đã ký với Ngân hàng A các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của bên thứ ba số 0008A/14/BL/I.28 ngày 24/01/2014, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21, Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở căn hộ 3A.01 Khối 3, lầu 4, Căn hộ The Vista Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 281482, số vào sổ cấp GCN số CH 03621 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2013. Hợp đồng thế chấp số 0008A/14/BL/I.28 ngày 24/01/2014 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/01/2014 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên Môi trường Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/01/2014.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của bên thứ ba số 0214B/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21, Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở căn hộ 3A.01 Khối 3, lầu

4, Căn hộ The Vista Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 281482, số vào sổ cấp GCN số CH 03621 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2013. Hợp đồng thế chấp 0214B/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/02/2015 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên Môi trường Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/02/2015.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của bên thứ ba số 0214A/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích xây dựng 73,7m^2, diện tích sàn 65,4m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE491302, số vào sổ cấp GCN số CH 00643/2011/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/03/2011. Hợp đồng thế chấp 0214A/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/02/2015 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/3/2016.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0694/13/BL/I.28 ngày 18/6/2013, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích xây dựng 73,7m^2, diện tích sàn 65,4m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE491302, số vào sổ cấp GCN số CH 00643/2011/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/03/2011. Hợp đồng thế chấp số 06944/13/BL/I.28 ngày 18/6/2013 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2013 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/6/2013.

- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0667/QĐN/16/TC/I.28 ngày 11/03/2016. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế số 2015218/HĐMB/OTRVN ngày 18/12/2015 và các phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ.

Ngân hàng A đã thực hiện việc giải ngân theo đúng các nội dung hai bên đã thỏa thuận. Công ty C đã thực hiện việc rút vốn vay tại Ngân hàng A với tổng số tiền là: 16.524.500.000 đồng theo các giấy nhận nợ:

- Giấy nhận nợ ngày 27/01/2016: số tiền vay là 5.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 27/01/2016 đến ngày 27/5/2016. Lãi suất cho vay là

9%/năm, lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng A hoặc theo phê duyệt, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy nhận nợ ngày 29/01/2016: số tiền vay là 5.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 29/01/2016 đến ngày 29/5/2016. Lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng A hoặc theo phê duyệt, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy nhận nợ ngày 14/03/2016: số tiền vay là 6.024.500.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 15/3/2016 đến ngày 15/5/2016. Lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng A hoặc theo phê duyệt, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Hai bên đã nhiều lần làm việc nhưng Công ty C vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 21/01/2021, Công ty C còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là: 27.211.522.947 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn – Công ty TNHH C phải thanh toán cho ngân hàng TMCP A nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/01/2021 là: 27.211.522.947 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 16.524.184.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 134.508.084 đồng.

- Lãi quá hạn: 10.552.830.863 đồng.

Công ty C còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp Công ty C không trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp số 0008A/14/BL/I.28 ngày 24/01/2014; số 0214B/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0214A/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0694/13/BL/I.28 ngày 18/6/2013 để Ngân hàng A thu hồi nợ.

Sau khi xử lý xong các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty C không trả hết nợ cho Ngân hàng A thì các ông, bà: Lê Hồng N, Trần Thanh H, Nguyễn Hữu N có trách nhiệm tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng A theo các cam kết bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng A.

Tại các buổi làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu N trình bày:

Ngày 03/12/2012, bà Trương Hồng L ký hợp đồng ủy quyền số 2464 do Văn phòng công chứng Phú Quốc công chứng về việc bà L ủy quyền cho ông ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất căn nhà số 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với các tổ chức tín dụng. Thời hạn ủy quyền từ ngày 03/12/2012 đến 03/12/2015.

Ngày 18/6/2013 ông có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0694/13/BL/I.28 với Ngân hàng A về việc thế chấp căn nhà 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo khoản nợ tối đa 8.000.000.000 đồng của Công ty C vay của Ngân hàng A. Thời hạn thế chấp để cấp tín dụng là 03 năm từ ngày 18/6/2013 đến 18/6/2016.

Ngày 04/02/2015 ông có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0214A/15/BL/I.28 với Ngân hàng A về việc thế chấp căn nhà 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo khoản nợ gốc 1.473.310.000 đồng của Công ty C vay của Ngân hàng A đảm bảo đối với hợp đồng cấp hạn mức số 0008/14/TD/I28 ngày 24/01/2014 và Hợp đồng cấp hạn mức số 0214/15/TD/I.28 ngày 04/02/2015 và các hợp đồng tín dụng khác trong thời hạn thế chấp để cấp tín dụng là 03 năm từ ngày 04/02/2015 đến 04/02/2018.

Về yêu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông yêu cầu Ngân hàng cung cấp các hợp đồng kinh tế số 2015218/HĐMB/OTRVN ngày 18/12/2015, và hợp đồng kinh tế số 2015212/HĐMB/OTRVN ngày 12/02/2016. Yêu cầu đưa Công ty Cổ phần OTRAN tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì cần làm rõ các nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty Cổ phần OTRAN Việt Nam đối với hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0667/QĐN/16/TC/I.28 ngày 11/3/2016 và Phụ lục số PL.01-0667/QĐN/16/TC/I.28.

Ông có yêu cầu Tòa án:

- Xác định Hợp đồng ủy quyền số 2464 ngày 03/12/2012 giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Trương Hồng L ký kết do Văn phòng công chứng Phú Quốc công chứng có thời hạn ủy quyền từ ngày 03/12/2012 đến 03/12/2015 đã hết hạn bảo lãnh đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất căn nhà số 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, có giấy chứng nhận số BE491302 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 14/3/2011 với các tổ chức tín dụng đã hết hiệu lực kể từ ngày 04/12/2015.

- Xác định Giấy cam kết bảo lãnh của ông Nguyễn Hữu N không có ngày tháng liên đới trả nợ cho Ngân hàng A là không có giá trị pháp lý.

Tại các buổi làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Hồng L có ông Phạm Quân T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L không đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với căn nhà 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vì theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2012 bà L ủy quyền cho ông N ký hợp đồng thế chấp chỉ trong thời hạn 03 năm đến ngày 03/12/2015 nhưng đến năm 2016 thì Ngân hàng mới ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng với Công ty C nên bà L không có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của Công ty C.

Ngày 14/3/2016, Ngân hàng A và Công ty C đã ký hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0667 QĐN/16/TC/I.28. Theo đó Công ty C bảo đảm trả nợ khoản vay với Ngân hàng bằng giá trị được thanh toán theo hợp đồng kinh tế số 2015218/HDMB/OTRVN mà Công ty C ký kết với Công ty Cổ phần OTRAN Việt Nam. Ngân hàng không yêu

cầu đưa Công ty OTRAN vào vụ án để giải quyết tranh chấp là không chính xác. Đề nghị đưa Công ty Cổ phần OTRAN Việt Nam vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Năm 2014 bà có ý Hợp đồng thế chấp căn hộ A301 Lầu 4, Căn hộ The Vista, Đường X, phường A, Quận 2 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH C cho Ngân hàng TMCP A. Công ty này do chồng bà ông Lê Hồng N và một số người khác hoạt động, bà không biết và không tham gia. Năm 2016 bà và ông Lê Hồng N đã ly hôn, từ đó đến nay không còn liên lạc nữa. Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Công ty TNHH C phải thanh toán cho ngân hàng TMCP A nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/01/2021 là: 27.211.522.947 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 16.524.184.000 đồng.

- Lãi trong hạn: 134.508.084 đồng.

- Lãi quá hạn: 10.552.830.863 đồng.

Trong trường hợp Công ty C không trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp số 0008A/14/BL/I.28 ngày 24/01/2014; số 0214B/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0214A/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0694/13/BL/I.28 ngày 18/6/2013 để Ngân hàng A thu hồi nợ.

Sau khi xử lý xong các tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty TNHH C không trả hết nợ cho Ngân hàng A thì các ông, bà: Lê Hồng N, Trần Thanh H, Nguyễn Hữu N có trách nhiệm tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng A theo các cam kết bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng A.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hồng N là ông Lê Đức N đồng ý với trình bày của nguyên đơn về việc ký kết các hợp đồng tín dụng giữa Công ty C với Ngân hàng A và xác định đúng số nợ gốc mà Công ty còn nợ Ngân hàng A là 16.524.184.000 đồng. Ông đề nghị Hội đồng xem xét lại về số tiền lãi mà nguyên đơn đã yêu cầu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hữu N - Luật sư Hồ Nguyên L có ý kiến: Hợp đồng ủy quyền số 2464 mà bà Trương Hồng L ký tại Văn phòng công chứng Phú Quốc công chứng về việc bà L ủy quyền cho ông N ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có thời hạn ủy quyền từ ngày 03/12/2012 đến 03/12/2015. Tuy nhiên khi đã hết thời hạn ủy quyền, đến năm 2016 Ngân hàng mới thực hiện việc giải ngân số tiền vay cho đương sự. Do thời hạn ủy quyền đã hết nên thời hạn bảo lãnh bằng tài sản là căn nhà số 136A Đường C, Phường M, Quận 3 của bà L và ông N cũng đã hết hiệu lực. Đồng thời Ngân hàng A cũng nhận bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0667/QĐN/16/TC/I.28 ngày 11/3/2016 và Phụ lục số PL.01-0667/QĐN/16/TC/I.28. Theo đó Công ty Cổ phần OTRAN cũng có nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ mà Công ty C nên đề nghị phải đưa Công ty Cổ phần OTRAN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Hồng L - Luật sư Phạm Tất Thắng có ý kiến: Hợp đồng ủy quyền mà bà Trương Hồng L đã ký ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu N có thời hạn đến ngày 03/12/2015 nhưng đến hết thời hạn ủy quyền Ngân hàng mới giải ngân tiền vay nên việc bảo lãnh của bà L và ông N cũng hết hiệu lực. Các tài sản đảm bảo là căn nhà của ông Lê Hồng N và căn nhà của ông N, bà L có giá trị thấp hơn khoản nợ mà Ngân hàng yêu cầu nhưng Ngân hàng không yêu cầu Công ty OTRAN Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là không công bằng. Đề nghị phải đưa Công ty Cổ phần OTRAN Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bản án kinh doanh thương mại số 80/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 264; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 4 của Luật thương mại; Căn cứ Điều 299; Điều 317; khoản 7, Điều 323; Điều 463; khoản 1, khoản 5, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ khoản 4, khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc bị đơn - Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2021 bao gồm:

+ Nợ gốc: 16.524.184.000 đồng.

+ Lãi trong hạn: 134.508.084 đồng.

+ Lãi quá hạn: 10.552.830.863 đồng.

Tổng cộng là: 27.211.522.947 (Hai mươi bảy tỷ hai trăm mười một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bảy) đồng.

Trường hợp Công ty TNHH C không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để trả nợ bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21, Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở Căn hộ 3A.01 Khối 3, lầu 4, Căn hộ The Vista Đường X, Khu phố B, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 281482, số vào sổ cấp GCN số CH 03621 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2013.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện

tích xây dựng 73,7m^2, diện tích sàn 65,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE491302, số vào sổ cấp GCN số CH 00643/2011/GCN do Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/03/2011.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A về việc buộc các ông Lê Hồng N, Trần Thanh H, Nguyễn Hữu N phải liên đới trả nợ theo các cam kết bảo lãnh đã ký.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn - Công ty TNHH C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 135.211.522 (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười một nghìn năm trăm hai mươi hai) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 63.227.885 đồng cho Ngân hàng TMCP A theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2014/0003626 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/02/2021 bà Trương Hồng L, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 02/02/2021 ông Nguyễn Hữu N, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trương Hồng L có ông Phạm Quân T đại diện xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo bổ sung và trình bày: do sơ thẩm vi phạm tố tụng nên đề nghị hủy án.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L trình bày: Ngân hàng thực hiện giải ngân thông qua giấy nhận nợ ngày 27/01/2016; 29/01/2016; 14/3/2016 khi đã hết thời hạn ủy quyền (03/12/2012- 03/12/2015). Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan; không đưa Công ty cổ phần Otran Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng nghiêm trọng; ông Hồng chuyển nhượng vốn nhưng vẫn còn tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên vẫn phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của Công ty C. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N có ông Hồ Nguyên L luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày: Tòa sơ thẩm xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn vì đã bán nợ cho Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; không đưa Công ty cổ phần Otran Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thời gian thế chấp vượt quá thời gian ủy quyền, ngân hàng giải ngân khi đã hết thời hạn ủy quyền. Không xem xét yêu cầu độc lập của ông N (đơn ngày 01/9/2017), Tòa án không có trả lời đơn yêu cầu của ông N về việc thụ lý hay không đến khi xét xử mới nhận định trong án là vi phạm tố tụng nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày: không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng vì đơn khởi kiện ngân hàng không yêu cầu đến hợp đồng bảo đảm có liên quan đến công ty Otran Việt Nam. Đơn yêu cầu độc lập của ông N ngân hàng không có ý kiến. Hợp đồng ủy quyền ngày 03/02/2012 bà L ủy quyền cho ông N ký hợp đồng thế chấp nên việc ông N đại diện bà L ký là không vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điền 319 Bộ luật dân sự, đề nghị y án sơ thẩm.

Ngày 22/12/2021 Ngân hàng A nộp thêm chứng cứ Hợp đồng mua bán nợ số 463/2021/BN.VAMC-ABANK ngày 25/11/2021 về việc Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đồng ý bán và Ngân hàng A đồng ý mua lại toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của hợp đồng này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ủy quyền đúng theo quy định. Bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Hồng L và ông Nguyễn Hữu N. Đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào địa chỉ trụ sở của bị đơn, Tòa án nhân dân Quận 3 áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N và bà Trương Hồng L làm trong hạn luật định, hai đương sự đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu N và bà Trương Hồng L đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Cả ông Nguyễn Hữu N và bà Trương Hồng L cho rằng cấp sơ thẩm đã không đưa Công ty cổ phần Otran Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh. Trong trường hợp Công ty C không trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên phát mại tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp số 0008A/14/BL/I.28 ngày 24/01/2014; số 0214B/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0214A/15/BL/I.28 ngày 04/02/2015; số 0694/13/BL/I.28 ngày 18/6/2013 để Ngân hàng A thu hồi nợ. Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về quyền thực hiện quyền đòi nợ là xử lý tài sản thế chấp là quyền tài sản của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 2015218/HĐMB/OTRVN ngày 18/12/2015, số 2015212/HĐMB/OTRVN ngày 12/02/2016 được ký kết giữa Công ty C và Ngân hàng A do đó cấp sơ thẩm không đưa Công ty cổ phần Otran Việt Nam vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông N cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu độc lập của ông N (đơn ngày 01/9/2017) là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền tố tụng của ông:

Ngày 01/9/2017 ông N có Đơn yêu cầu độc lập (không có dấu công văn đến ghi ngày nhận) có 02 yêu cầu:

- Xác định Hợp đồng ủy quyền số 2464 ngày 03/12/2012 giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Trương Hồng L ký kết do Văn phòng công chứng Phú Quốc công chứng có thời hạn ủy quyền từ ngày 03/12/2012 đến 03/12/2015 đã hết hạn bảo lãnh đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất căn nhà số 136A Đường C, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, có Giấy chứng nhận số BE491302 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp ngày 14/3/2011 với các tổ chức tín dụng đã hết hiệu lực kể từ ngày 04/12/2015.

- Xác định Giấy Cam kết bảo lãnh của ông Nguyễn Hữu N không có ngày tháng liên đới trả nợ cho Ngân hàng A là không có giá trị pháp lý.

Cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu này của ông N là ý kiến đề nghị Tòa án xác định, đánh giá về các tình tiết và chứng cứ của vụ án không phải là yêu cầu độc lập mà buộc các bên đương sự khác phải thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào. Do đó Tòa án nhân dân Quận 3 không thụ lý giải quyết yêu cầu này của ông N như là một yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là chưa chính xác. Bởi lẽ: quan hệ tranh chấp tòa án đang giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là hợp đồng tín dụng, còn yêu cầu của ông N về Hợp đồng ủy quyền, giữa yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau nên cần phải xem xét thụ lý. Do yêu cầu độc lập chưa được cấp sơ thẩm xem xét, chưa cho thụ lý, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số

80/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo vệ quyền lợi của ông N.

Quá trình giải quyết sơ thẩm Ngân hàng A ký Hợp đồng mua bán nợ số 6685/2018/MBN.VAMC-ABANK ngày 27/12/2018 về việc bán các khoản nợ của Công ty C cho Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Ngày 22/12/2021 Ngân hàng A nộp thêm chứng cứ Hợp đồng mua bán nợ số 463/2021/BN.VAMC-ABANK ngày 25/11/2021 về việc Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đồng ý bán và Ngân hàng A đồng ý mua lại toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của hợp đồng này; Ngày 05/11/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gửi Công văn số 4688/TATP-TKT xác minh những người thực tế cư trú thì nhận được kết quả: "tại căn hộ 3A.01 khối 3, lầu 4 căn hộ cao cấp The Vista, phường A, Thành phố Thủ Đức hiện có 03 nhân khẩu đang cư ngụ:

- Nguyễn Minh T, sinh năm 1985
- Trần Duy N, sinh năm 1987
- Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1990"

đây là chứng cứ mới (tình tiết mới) thu thập được ở cấp phúc thẩm, cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần xem xét rút kinh nghiệm những vấn đề sau:

Về thủ tục tố tụng tống đạt của cấp sơ thẩm ngày 19/6/2018 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không niêm yết, tống đạt cho Công ty C, đối với bà Mỹ L và cá nhân ông Hồng N thì Tòa án niêm yết ngày 04/6/2018 mời hòa giải 9 giờ ngày 19/6/2018 là niêm yết chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm e khoản 1 Điều 146; Khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật dân sự; Tương tự ngày 28/7/2020 Thừa Phát Lại Quận 10 thực hiện niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ban hành ngày 20/7/2020 mời vào lúc 9 giờ ngày 12/8/2020 cho đương sự B, N chưa đủ 15 ngày tròn theo quy định của bộ luật tố tụng Dân sự. Cấp sơ thẩm chỉ lập Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/8/2020 mà không lập Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ như đã thông báo. Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/8/2020 không ghi người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A: Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam dù Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã nộp đủ thủ tục ủy quyền cho ông Hồ Trung T là đại diện theo giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 và số 285/UQ-TGĐ.19 ngày 09/7/2019. Cấp sơ thẩm không Thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự vắng mặt như quy định tại khoản 3 Điều 210 bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Phiếu xác minh ngày 16/7/2018 Công An Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời "Hiện có 04 người cư ngụ tại đây gồm: Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1978; Bà Phạm Thị Ngọc N sinh năm 1978; Nguyễn Phạm Ngọc Ng sinh năm 2009; Nguyễn Phúc Th sinh năm 2013; tuy nhiên khi đưa người tham gia tố tụng thì

cấp sơ thẩm đã đưa thiếu 02 trẻ Ng và Th vào tham gia tố tụng. Khi hồ sơ về cấp sơ thẩm, nguyên đơn nên bổ sung đơn khởi kiện: được quyền thực hiện quyền đòi nợ là xử lý tài sản thế chấp là quyền tài sản ..., tòa án đưa Công ty cổ phần Otran Việt Nam vào tham gia tố tụng để vụ án được giải quyết triệt để. Do cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm về tố tụng nên về nội dung cấp phúc thẩm không xét.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng đồng thời hồ sơ cũng phát sinh tình tiết mới nên đề nghị hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi của các đương sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Từ các nhận định trên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L và ông N về việc hủy bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 80/2021/KDTM-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu N được nhận lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0032882 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Hồng L được nhận lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0032881 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- TAND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo